TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 02 – 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường A Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Hồng T**, sinh năm: 1979
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1975
Cùng địa chỉ: 114A/2, ấp G, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T và anh D đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Hồng T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 5 năm và tự nguyện kết hôn, được UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/4/2004. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị T.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ sống chung với nhau tại Biên Hòa khoảng 02 năm rồi chuyển về nhà mẹ đẻ chị T tại xã G, huyện Thống Nhất sinh sống, sau đó vợ chồng đã mua được nhà đất riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến năm 2010 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2014 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Mặt khác, anh D sống không có trách nhiệm với

gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn, khi say do không làm chủ được bản thân mình nên thường dùng những lời lẽ văn hóa xúc phạm chị T và các con, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát.

Chị T đã nhiều lần khuyên anh D nên thay đổi để cuộc sống vợ chồng có thể hòa hợp được nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 10/2022 đến nay, chị T và các con đã dọn về nhà mẹ đẻ để sống. Từ đó, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Công T, sinh ngày: 21/4/2006; Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày: 12/02/2009 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày: 10/3/2022. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 (ba) con chung. Tạm thời chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), ngoài ra chị còn có gia đình ngoại phụ giúp về kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 05 (năm) năm và tự nguyện kết hôn, được UBND xã G, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/4/2004. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh Nguyễn Văn D.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống chung với nhau tại Biên Hòa khoảng 02 năm rồi chuyển về nhà mẹ đẻ chị T tại xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất sinh sống. Đến năm 2015, vợ chồng có mua được diện tích đất rẫy tại ấp Gia Yên, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất và xây nhà riêng để vợ chồng cùng sống chung. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Anh D thừa nhận do giao lưu quan hệ bạn bè nên anh có thường xuyên uống rượu, khi say do không làm chủ được bản thân nên anh có đánh đập chị T tuy nhiên không để lại thương tích gì.

Mặt khác, chị T luôn tự ý quyết định mọi việc trong gia đình không thông qua ý kiến của anh. Cụ thể, anh có góp ý với chị không nên cho con học trên mạng xã hội tốn kém mà nên cho các con học tại trung tâm. Việc anh góp ý chị T không nghe mà còn cho rằng anh cố chấp, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 10/2022 đến nay chị T đã về nhà mẹ đẻ sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay anh D xác định vẫn còn tình cảm yêu thương chị T, anh cần có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn. Về biện pháp hàn gắn tình cảm thì anh sẽ thay đổi tình tình, không uống rượu say và sẽ cùng vợ chăm sóc con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Công T, sinh ngày: 21/4/2006; Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày: 12/02/2009 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày: 10/3/2022. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T anh đồng ý giao 03 con chung cho chị T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Hiện nay nghề nghiệp của anh D là làm thuê, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D; Về con chung: Giao 03 con chung là các cháu Nguyễn Công T, sinh ngày: 21/4/2006; Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày: 12/02/2009 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày: 10/3/2022 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Đào Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn anh Nguyễn Văn D hiện đang cư trú tại 114A/2, ấp Gia Yên, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn D tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/4/2004. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị T và anh D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị T trình bày thời gian vợ chồng chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2010. Anh D thường uống rượu say về nhà chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị T, có lần còn đánh chị, mặt khác tính tình anh D còn ích kỷ, không quan tâm đến vợ con. Do mâu thuẫn căng thẳng nên khoảng 02 tháng nay chị T đã và các con phải bỏ về nhà mẹ đẻ chị T sống. Anh D cũng thừa nhận do bản thân anh ham vui thường tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, mỗi lần uống rượu say về nhà vợ chồng lớn tiếng cãi vã do không kìm chế được bản thân nên anh bóp cổ chị T tuy nhiên không để lại thương tích gì.

Như vậy cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã thiếu sự quan tâm, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh D đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nhưng không có biện pháp khắc phục để đoàn tụ chung sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cũng đã tiến hành hòa giải, động viên chị T, anh D hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị T và anh D chung sống có 03 con chung gồm các cháu Nguyễn Công T, sinh ngày: 21/4/2006; Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày: 12/02/2009 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày: 10/3/2022, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của chị T và anh D thống nhất thỏa thuận về việc chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 03 (ba) con chung. Xét thấy chị T đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc thỏa thuận nuôi con của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của các con trên 07 tuổi. Vì vậy xét cần giao 03 (ba) con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Hồng T về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Công T, sinh ngày: 21/4/2006; Nguyễn Hoàng Ngọc V, sinh ngày: 12/02/2009 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày: 10/3/2022 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn D do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008997 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Đào Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 3, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 68/KH quyển số 01/2005 ngày 15/4/2004);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**